

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL
TRADING PUBLIC**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05-06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-17

35
C
IN
API

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Công ty

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Cà Phê Thương Phú) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp

Trụ sở Công ty đặt tại 705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 02, Thành Phố Hồ Chí Minh.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Thành

Ông Lê Minh Tuấn

Ông Võ Trần Thanh Phương

Ông Đinh Văn Anh Tuấn

Ông Phạm Mai Anh Tài

Chủ tịch HĐQT

Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đinh Văn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ban Kiểm Soát

Ông Nguyễn Đăng Lê

Trung

Ông Lê Hoàng Hiệp

Bà Lê Thị Bích Ngọc

Trưởng Ban

Thành viên

Thành viên

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2021



Đình Văn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170,332,630,001	110,236,115,794
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	14,707,994,286	566,046,969
Tiền	111		14,707,994,286	566,046,969
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125,111,087,426	80,104,698,797
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	94,405,019,377	35,257,109,653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.3	206,068,049	8,847,589,144
Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.4	30,500,000,000	36,000,000,000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đ	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	IV.5	30,497,842,122	52,347,036,618
Hàng tồn kho	141		30,497,842,122	29,545,122,085
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		15,706,167	20,247,943
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8		
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10,967,958	15,509,734
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		4,738,209	4,738,209
Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111,305,517,613	111,305,517,613
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220	IV.6		
Tài sản cố định hữu hình	221			
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			
Tài sản dài hạn dở dang	240		108,283,461,500	108,283,461,500
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.7	108,283,461,500	108,283,461,500
Tài sản dài hạn khác	260		3,022,056,113	3,022,056,113
Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8	3,022,056,113	3,022,056,113
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		281,638,147,614	221,541,633,407

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		131,843,163,940	72,374,690,267
Nợ ngắn hạn	310		131,843,163,940	72,374,690,267
Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.9	127,126,947,837	67,931,764,306
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		100,000,000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.10	169,178,606	12,168,472
Phải trả người lao động	314		9,006,600	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,125,312	2,125,312
Phải trả ngắn hạn khác	319		7,273,408	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	IV.11	4,428,632,177	4,428,632,177
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149,794,983,674	149,166,943,140
Vốn chủ sở hữu	410	IV.12	149,794,983,674	149,166,943,140
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120,999,920,000	120,999,920,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120,999,920,000	120,999,920,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4,428,632,177	4,428,632,177
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421		24,366,431,497	23,738,390,963
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23,738,390,963	23,689,717,080
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		628,040,534	48,673,883
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		281,638,147,614	221,541,633,407

Trần Thị Trinh
Người lập biểu

Trần Thị Trinh
Phụ trách kế toán



ĐINH VĂN ANH TUẤN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		58,254,279,368	9,787,200,000	63,201,041,885	63,789,727,000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	V.1	58,254,279,368	9,787,200,000	63,201,041,885	63,789,727,000
Giá vốn hàng bán	11	V.2	57,215,600,727	9,625,957,674	62,124,864,091	62,944,034,529
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,038,678,641	161,242,326	1,076,177,794	845,692,471
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,023	214,840	12,755	432,158
Chi phí tài chính	22	V.3	-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		-	141,900	-	141,900
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		271,763,324	6,140,191	290,380,392	303,488,453
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		766,917,340	155,175,075	785,810,157	542,494,276
Thu nhập khác	31		-	-	-	280,000
Chi phí khác	32		-	524,458,794	759,489	542,359,310
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(524,458,794)	(759,489)	(542,079,310)



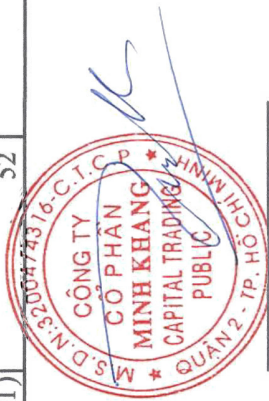
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		766,917,340	(369,283,719)	785,050,668	414,966
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.4	153,383,468	-	157,010,134	73,939,737
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		613,533,872	(369,283,719)	628,040,534	(73,524,771)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		50.71	(31)	52	(6)



Trần Thị Trinh
Người lập biểu



Trần Thị Trinh
Phụ trách kế toán



Đình Văn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay VND	năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	785,050,668	251,712
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1,211,044,764
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12,755)	524,025,990
Chi phí lãi vay	06		
Các khoản điều chỉnh khác	07		
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	785,037,913	1,735,322,466
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(45,001,846,853)	45,148,123,769
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(952,720,037)	20,667,437,660
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	59,311,463,539	41,456,860,672
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		117,149,079
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
Tiền lãi vay đã trả	14		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(71,783,461,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14,141,934,562	37,341,432,146
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12,755	432,804
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12,755	432,804
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(909,782,640)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(909,782,640)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	14,141,947,317	36,432,082,310
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	566,046,969	547,999,928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	14,707,994,286	36,980,082,238



Trần Thị Trinh
Người lập biểu



Trần Thị Trinh
Phụ trách kế toán



Đinh Văn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt - VND	14,674,421,077	559,910,077
Tiền gửi ngân hàng	33,573,209	6,136,892
Tương đương tiền	-	-
	<u>14,707,994,286</u>	<u>566,046,969</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần TM XD và ĐT Thiên Trường Phú	24,814,593,135	8,710,939,460
Công ty TNHH Đầu Tư Vạn Phát Tiến	20,949,310,529	1,962,138,000
Công ty TNHH Cơ Phát Tiến	5,745,878,054	9,897,878,054
Công ty Cổ Phần Thương Mại Kiến Đức	30,497,842,122	6,413,785,325
CÔNG TY TNHH TMDV HỒNG NGUYỄN	2,934,925,375	3,350,201,375
Các đối tượng khác	9,462,470,162	4,922,167,439
	<u>94,405,019,377</u>	<u>35,257,109,653</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ứng trước tiền mua nông sản cho người nông dân		8,643,211,000
Các khoản trả trước cho người bán khác	206,068,049	204,378,144
	<u>206,068,049</u>	<u>8,847,589,144</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
	<u>30,500,000,000</u>	<u>36,000,000,000</u>

5. Hàng tồn kho

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thành phẩm	-	
Hàng hóa	30,497,842,122	29,545,122,085
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	
	<u>30,497,842,122</u>	<u>29,545,122,085</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí mua quyền mua quyền sử dụng đất tại Tiền Giang	108,283,461,500	108,283,461,500
	<u>108,283,461,500</u>	<u>108,283,461,500</u>

8. Chi phí trả trước

Ngắn hạn	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Chi phí dịch vụ	-	-	-	-
Dài hạn	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Chi phí thuê đất	3,009,733,752	3,009,733,752	3,009,733,752	3,009,733,752
Chi phí công cụ dụng cụ	4,166,667	4,166,667	4,166,667	4,166,667
Chi phí sửa chữa nhà máy	8,155,694	8,155,694	8,155,694	8,155,694
	3,022,056,113	3,022,056,113	3,022,056,113	3,022,056,113
9. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	206,068,049	206,068,049	8,847,589,144	8,847,589,144
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169,178,606	169,178,606	12,168,472	12,168,472
	169,178,606	169,178,606	12,168,472	12,168,472
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,428,632,177	4,428,632,177	4,428,632,177	4,428,632,177
	4,428,632,177	4,428,632,177	4,428,632,177	4,428,632,177
12. Vốn chủ sở hữu	30/06/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cộng VND
Tại 01/01/2020	120,999,920,000	23,689,717,080	4,428,632,177	149,118,269,257
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	48,673,883	-	48,673,883
Tại 31/12/2020	120,999,920,000	23,738,390,963	4,428,632,177	149,166,943,140
Tại 01/01/2021	120,999,920,000	23,738,390,963	4,428,632,177	149,166,943,140
Lãi trong năm	-	628,040,534	-	628,040,534
Tại 30/06/2021	120,999,920,000	24,366,431,497	4,428,632,177	149,794,983,674

Chi tiết các cổ đông góp vốn của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Cổ đông	Giá trị vốn góp của cổ đông tại 30/06/2021		Số lượng CP	Tỷ lệ
	VND			
Các cổ đông	120,999,920,000	120,999,920,000	12,099,992	100%
	120,999,920,000	120,999,920,000	12,099,992	100%

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/CP.

Cổ	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,099,992	12,099,992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu phổ thông	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu phổ thông	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu ưu đãi		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu bán hàng	58,254,279,368	9,787,200,000
	<u>58,254,279,368</u>	<u>9,787,200,000</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u><u>58,254,279,368</u></u>	<u><u>9,787,200,000</u></u>

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán	57,215,600,727	9,625,957,674
	<u>57,215,600,727</u>	<u>9,625,957,674</u>

3. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	766,917,340	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>766,917,340</u>	<u>(369,283,719)</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20%
	<u>-</u>	<u>-</u>

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	Kỳ này VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>75,000,000</u>

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

4. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Trần Thị Trinh

Phụ trách kế toán



Trần Thị Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Cà Phê Thương Phú) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp

Trụ sở Công ty đặt tại 705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 02, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.999.920.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 120.999.920.000 đồng, tương đương 12.999.992 cổ phần, mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Lĩnh vực hoạt động

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất buôn bán cà phê và

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

201
CỘ
Ồ
H
TÀI
PU
TP.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi

Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2013/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính. Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành. Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản phải trả thương mại, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả thương mại, phải trả khác và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận hoặc chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

37c
Y
IN
AN
DK
CH

- Công ty đã được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.